TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 664/2024/QĐST-HNGĐ	*X, ngày 04 tháng* 6 *năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 664/2024/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà N.T.B.T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 411/20/3 đường L, Phường M, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông P.V.V, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: Ấp 1 xã BT, huyện ĐH, tỉnh Long An;

Địa chỉ tạm trú: Số 80/20/9 ĐL, Phường N, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà N.T.B.T và ông P.V.V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường M , quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06/5/2024 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27/5/2024, Bà T và ông Vũ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung: Có 01 con chung tên P.N.M.C, sinh ngày 13/8/2019. Hai bên thỏa thuận: giao cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vũ không cấp dưỡng nuôi con chung;

và thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy bà N.T.B.T và ông P.V.V thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về con chung: Có 01 con chung tên P.N.M.C, sinh ngày 13/8/2019. Hai bên thỏa thuận: giao cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà N.T.B.T và ông P.V.V thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường M , quận X, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực).

Về con chung: Bà T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ P.N.M.C, sinh ngày 13/8/2019 cho đến khi trẻ Châu đủ 18 tuổi, ông Vũ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà T phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 150.000 đồng, ông Vũ phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013703 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông Vũ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.X, TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân Phường M , quận X, TpHCM;
- Chi cục THADS Q.X;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang